

UBND QUẬN DƯƠNG KINH
HỘI ĐỒNG XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS
TRƯỜNG TH&THCS TÂN THÀNH

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THCS
NĂM HỌC 2024 - 2025 (LẦN 1)

MẪU SỐ 02

(Danh sách này có 06 trang)

STT	SỐ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
1	031310006103	CAO HOÀNG NGỌC ANH	23/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
2	031310014626	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	05/06/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
3	031310003544	PHẠM PHƯƠNG ANH	06/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
4	031310015238	VŨ THỊ KIM ANH	03/04/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
5	034210000596	VŨ TUẤN ANH	28/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
6	031210015610	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC ÁNH	22/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
7	031210004771	PHẠM GIA BẢO	29/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
8	031310014201	HOÀNG DUNG	08/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
9	031210008197	ĐỖ TIỀN ĐẠT	11/08/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
10	031210014316	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	21/01/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
11	031310011793	NGUYỄN THỊ HÀ	03/04/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
12	031210018711	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HẢI	28/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
13	031210014532	VŨ MẠNH HẢI	17/10/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
14	031310014087	TRẦN THỊ BẢO HÂN	27/01/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
15	031310013196	PHẠM KHÁNH HẬU	13/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

STT	SỐ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
16	031310002005	ĐỖ THỊ THU HIỀN	20/10/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
17	036210002868	HOÀNG TRUNG HIẾU	05/10/2010	Nam Định	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
18	031310003937	BÙI AN HÒA	27/09/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
19	031310006196	LƯU MINH HUYỀN	15/01/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
20	031310013381	LƯU THỊ THU HƯƠNG	01/12/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
21	031210009099	LƯƠNG XUÂN LÂM	11/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
22	031210013858	NGUYỄN HỒNG LÂM	27/02/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
23	031310007825	ĐỖ HẢI LINH	25/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
24	031310012651	NGUYỄN ĐOÀN MAI LINH	23/01/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
25	031310011377	NGUYỄN NGỌC LINH	31/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
26	031210003189	NGUYỄN DUY VIỆT LONG	19/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
27	031210005917	BÙI ĐỨC MINH	20/06/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
28	031210020289	BÙI ĐỨC NHẬT MINH	27/04/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
29	031210018602	BÙI BẢO NAM	18/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
30	031310014402	HOÀNG MINH NGỌC	28/06/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
31	031310003593	PHẠM THỊ YẾN NHI	13/07/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
32	031210010194	PHẠM ĐĂNG PHÚC	13/08/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
33	031210018436	TRỊNH CÔNG SƠN	04/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
34	031210009329	PHẠM TRÍ TÀI	10/02/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
35	031310007300	PHẠM THỊ MINH TÂM	06/06/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

STT	SỐ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
36	031310014609	NGÔ THỊ PHƯƠNG THANH	12/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
37	031210019474	ĐOÀN CÔNG THÀNH	01/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
38	031210017546	ĐOÀN ĐỨC THÀNH	05/02/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
39	031310008732	VŨ NGỌC HUYỀN TRANG	19/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
40	031210008701	LƯU NAM TRỊ	17/01/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
41	031210005084	HOÀNG ĐÌNH TRỌNG	05/05/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
42	031310019467	TRẦN BẢO UYÊN	10/12/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
43	031310006699	ĐÀO PHƯƠNG UYÊN	16/02/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
44	031210005100	NGÔ XUÂN TRƯỜNG VŨ	13/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
45	031310006147	ĐOÀN KHÁNH VY	25/10/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
46	031310005189	ĐOÀN THỊ HÀ VY	17/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
47	031310002868	PHẠM KHÁNH VY	14/06/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
48	031210012609	ĐỖ DUY ANH	20/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
49	031310010424	HOÀNG HÀ NGỌC ANH	23/07/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
50	031210015774	NGUYỄN HÙNG ANH	20/12/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
51	031310015698	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	26/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
52	036310002076	VŨ THỊ NGỌC ANH	08/05/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
53	031210000438	TRỊNH GIA BẢO	29/10/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
54	031208007072	LƯU ĐÌNH THÁI BẢO	03/10/2008	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
55	031310003221	ĐỖ NGỌC BÍCH	22/09/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

STT	SỐ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
56	031310009771	ĐỖ NGỌC BÍCH	27/09/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
57	031210018796	NGUYỄN NAM CUỒNG	17/10/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
58	031210012940	NGUYỄN ĐÌNH DẦN	24/02/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
59	031310002174	NGUYỄN THỊ HUYỀN DIỆU	20/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
60	031310004667	LƯU THỊ HOÀNG DUNG	07/09/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
61	031210007562	VŨ MẠNH DŨNG	07/11/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
62	022210004230	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	09/01/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
63	031210001150	ĐÀM THÀNH ĐẠT	13/09/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
64	031210020357	NGUYỄN VĂN HOÀNG	31/01/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
65	031210002674	ĐOÀN VĂN HÙNG	26/10/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
66	031210006331	NGUYỄN MẠNH HÙNG	05/11/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
67	031310009684	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	28/03/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
68	031210002990	ĐỖ VIỆT KHÁNH	11/04/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
69	031210010534	TRỊNH CÔNG KHÁNH	07/06/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
70	031310000692	ĐOÀN THỊ MAI LAN	31/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
71	031210001924	HOÀNG GIA LÂM	03/05/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
72	031210002792	LẠI PHƯƠNG LINH	14/12/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
73	031310014692	NGUYỄN NGỌC LINH	20/07/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
74	031310001154	NGÔ THỊ LINH	27/10/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
75	015310001080	ĐỖ THANH LOAN	05/11/2010	Yên Bái	Nữ	Sán diu	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

STT	SỐ ĐỊNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
76	031310015755	BÙI THỊ NHƯ MAI	13/06/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
77	031310005500	LÊ TRẦN ĐAN MINH	26/11/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
78	031210005325	TRẦN NHẬT MINH	15/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
79	031210011209	TRẦN THIỆN NHÂN	27/08/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
80	031210005143	TRẦN HỮU PHONG	20/06/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
81	031210015235	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	31/05/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
82	031209010941	ĐINH VĂN PHÚC	25/10/2009	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
83	031210002272	ĐẶNG THÀNH MINH QUÂN	29/12/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
84	031210017340	BÙI DUY QUYỀN	20/12/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
85	031310008830	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	23/10/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
86	031210000863	TRẦN VĂN TÂY	26/06/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
87	031310002609	ĐOÀN THỊ MAI THANH	20/04/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
88	031309003489	NGÔ THỊ THANH	16/09/2009	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
89	031310017383	BÙI THỊ THẢO	09/02/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
90	031310003432	MAI THỊ PHƯƠNG THẢO	11/08/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
91	031210009064	NGÔ VŨ THẮNG	22/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
92	031310014486	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	01/10/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
93	031310016405	TRẦN THỊ LINH TRANG	20/07/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
94	031210011563	NGUYỄN VĂN TRỌNG	18/08/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
95	031210012981	PHẠM THÀNH TRUNG	29/07/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

STT	SỐ ĐÌNH DANH	HỌ VÀ TÊN (Chữ in hoa)	NGÀY SINH (ngày tháng sinh đủ 2 chữ số, năm sinh đủ 4 chữ số)	NƠI SINH (Khác TP Hải Phòng in đậm)	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC (Khác DT Kinh in đậm)	HỌC SINH TRƯỜNG	NĂM TỐT NGHIỆP	HÌNH THỨC ĐÀO TẠO
96	031210009246	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	11/09/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy
97	031210014970	BÙI QUỐC VIỆT	26/03/2010	Hải Phòng	Nam	Kinh	TH&THCS Tân Thành	2025	Chính quy

BỘ PHẬN NHẬP DỮ LIỆU
Danh sách này có: 97 người học
được công nhận tốt nghiệp THCS

HỘI ĐỒNG XÉT TỐT NGHIỆP THCS
Danh sách này có: 97 người học
được công nhận tốt nghiệp THCS

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT
Danh sách này có: 97 người học
được công nhận tốt nghiệp THCS

NGƯỜI NHẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đan Đức Đình

NGƯỜI SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Bích Châu
[Signature]
Vũ Thị Nhơ
[Signature]
Nguyễn Thị Diệu
[Signature]
Huyền Diệu
[Signature]
Đỗ Thị Huệ

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HĐQT
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
[Signature]
[Signature]

HIỆU TRƯỞNG
Phan Quang Tuấn

CÁN BỘ XÉT DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đào Văn Lý

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
[Signature]
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG
Nguyễn Thị Linh

Hải Phòng, ngày 13 tháng 5 năm 2025